

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện đa khoa Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	768.535.983.025	194.089.255.936	25,25%	115,28%
1	Ngân sách Nhà nước	25.540.994.025	40.450.000	0,16%	2,26%
2	Dịch vụ y tế	652.049.543.000	171.337.054.467	26,28%	117,72%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	90.945.446.000	22.711.751.469	24,97%	107,98%
II	Tổng chi	767.582.581.025	188.620.761.549	24,57%	96,60%
A	Tổng chi thường xuyên	767.156.786.025	187.341.710.294	24,42%	96,12%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.749.648.000	70.202.301.361	60,13%	141,43%
1	Tiền lương	40.268.973.000	20.440.791.097	50,76%	134,85%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	6.656.318.000	5.908.244.818	88,76%	155,33%
3	Phụ cấp lương	56.758.788.000	36.301.909.843	63,96%	144,12%
4	Tiền thưởng	1.053.850.000	1.378.728.000	130,83%	130,85%
5	Phúc lợi tập thể	12.111.000	-		
6	Các khoản đóng góp	11.999.608.000	6.172.627.603	51,44%	139,20%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	644.455.694.025	112.266.109.520	17,42%	113,75%
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	10.110.103.000	3.445.617.035	34,08%	97,64%
8	Vật tư văn phòng	7.071.566.000	181.178.027	2,56%	11,85%
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.009.254.000	407.363.564	40,36%	102,61%
10	Hội nghị	-	189.372.000		
11	Công tác phí	445.211.000	293.272.799	65,87%	68,45%
12	Chi phí thuê mướn	12.010.780.000	3.040.852.876	25,32%	110,68%
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	35.115.736.000	39.640.854	0,11%	1,43%
14	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15.490.000.000	6.648.766.509	42,92%	472,97%
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	563.203.044.025	98.020.045.856	17,40%	114,14%
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	5.951.444.000	4.873.299.413	81,88%	10,46%
16	Chi khác	5.428.604.000	4.451.497.125	82,00%	87,89%
17	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	472.840.000	421.802.288	89,21%	
18	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	50.000.000			
B	Trích bổ sung chi lương	425.795.000	1.279.051.255	300,39%	357,96%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Giám đốc

Lê Nguyễn Kiều My

Phan Thủy Thu Vân



*Lê Huy Thạch